BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: 24111MH110503101 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 29.8.2024 **Giờ thi:** 16giờ20 **Phòng thi:** A1.10

Giám thị 1: Trương T N Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài	**An**	20/01/2005	C25TA	An	7.0	Bảy Không	
2	2310130026	Trần Huỳnh Bảo	**Châu**	12/02/2003	C25TA	Châu	7.0	Bảy Không	
3	2310130016	Nguyễn Thái	**Duy**	18/05/2005	C25TA	Duy	7.0	Bảy Không	
4	2310130013	Võ Hồng	**Đào**	23/07/2005	C25TA	Đào	5.0	Năm Không	
5	2310130009	Sú Diệp Minh	**Đạt**	05/04/2005	C25TA				
6	2310130017	Nguyễn Thị Xuân	**Hương**	31/01/2004	C25TA	Hương	5.0	Năm Không	
7	2310130024	Nguyễn Huỳnh Hồng	**Mai**	07/09/2005	C25TA	Mai	5.0	Năm Không	
8	2310130002	Lê Thị Kiều	**Nga**	09/02/2001	C25TA	Nga	7.0	Bảy Không	
9	2310130027	Trần Như	**Ngọc**	14/10/2005	C25TA	Ngọc	9.0	Chín Không	
10	2310130031	Lê Thị Minh	**Nguyệt**	27/06/2002	C25TA	Nguyệt	7.0	Bảy Không	
11	2310130007	Lý Hồng	**Nhi**	18/08/2005	C25TA	Nhi	7.0	Bảy Không	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc	**Như**	24/04/2005	C25TA	Như	8.0	Tám Không	
13	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/10/2005	C25TA	Như	7.0	Bảy Không	
14	2310160004	Trần Thị Tuyết	**Phương**	06/11/2005	C25TA	Phương	7.0	Bảy Không	
15	2310130023	Huỳnh Lê Kim	**Thảo**	24/10/2005	C25TA	Thảo	10.0	Mười Không	
16	2310130025	Võ Hữu	**Thọ**	21/07/2005	C25TA	Thọ	6.0	Sáu Không	
17	2310130022	Ngô Kim	**Thùy**	08/05/2005	C25TA	Thùy	6.0	Sáu Không	
18	2310130029	Phạm Ngọc Huyền	**Trân**	16/08/2005	C25TA	Trân	8.0	Tám Không	
19	2310130032	Nguyễn Việt Bảo	**Trí**	19/12/2004	C25TA	Trí	10.0	Mười Không	
20	2310130004	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	21/06/2005	C25TA	Trúc	5.0	Năm Không	
21	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm	**Tú**	14/11/2005	C25TA	Tú	5.0	Năm Không	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 20 / _____ .

Ngày 15 *tháng* 10 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 6 *tháng* 9 *năm* 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: 24111MH110503101 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 30.9.2024 **Giờ thi:** 16giờ20 **Phòng thi:** A1.10

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài	**An**	20/01/2005	C25TA		8.0	Tám không	
2	2310130026	Trần Huỳnh Bảo	**Châu**	12/02/2003	C25TA		8.0	Tám không	
3	2310130016	Nguyễn Thái	**Duy**	18/05/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
4	2310130013	Võ Hồng	**Đào**	23/07/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
5	2310130009	Sú Diệp Minh	**Đạt**	05/04/2005	C25TA				
6	2310130017	Nguyễn Thị Xuân	**Hương**	31/01/2004	C25TA		6.0	Sáu không	
7	2310130024	Nguyễn Huỳnh Hồng	**Mai**	07/09/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
8	2310130002	Lê Thị Kiều	**Nga**	09/02/2001	C25TA		9.0	chín không	
9	2310130027	Trần Như	**Ngọc**	14/10/2005	C25TA		9.0	chín không	
10	2310130031	Lê Thị Minh	**Nguyệt**	27/06/2002	C25TA		7.0	Bảy không	
11	2310130007	Lý Hồng	**Nhi**	18/08/2005	C25TA		8.0	Tám không	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc	**Như**	24/04/2005	C25TA		8.0	Tám không	
13	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/10/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
14	2310160004	Trần Thị Tuyết	**Phương**	06/11/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
15	2310130023	Huỳnh Lê Kim	**Thảo**	24/10/2005	C25TA		9.0	chín không	
16	2310130025	Võ Hữu	**Thọ**	21/07/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
17	2310130022	Ngô Kim	**Thùy**	08/05/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
18	2310130029	Phạm Ngọc Huyền	**Trân**	16/08/2005	C25TA		9.0	chín không	
19	2310130032	Nguyễn Việt Bảo	**Trí**	19/12/2004	C25TA		10.0	Mười không	
20	2310130004	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	21/06/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
21	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm	**Tú**	14/11/2005	C25TA		6.0	Sáu không	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 20 / _____ .

Ngày 25 *tháng* 10 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 2 *tháng* 10 *năm* 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

214

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN L2

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: 24111MH110503101 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 29.8.2024 **Giờ thi:** 16g10 20 **Phòng thi:** A1.10

Giám thị 1: Trương T N Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia	**Bảo**	11/08/2005	C25TA		5.0	Năm không	
2	2310130005	Võ Thị Yến	**Nhạn**	06/1/2005	C25TA		5.0	Năm không	
3	2310130012	Nguyễn Đức	**Thịnh**	14/12/2005	C25TA				

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 2 / _____ .

Ngày 15 *tháng* 10 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 6 tháng 9 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ 2

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: 24111MH110503101 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 30.9.2024 **Giờ thi:** 16g40 **Phòng thi:** A1.10

Giám thị 1: Trương T N Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia	**Bảo**	11/08/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
2	2310130005	Võ Thị Yến	**Nhạn**	06/1/2005	C25TA		5.0	Năm không	
3	2310130012	Nguyễn Đức	**Thịnh**	14/12/2005	C25TA				

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi:**_____/_____.

Ngày 2 *tháng* 10 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 2 *tháng* 10 *năm* 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 2 - MH1105031
Mã lớp học phần: 24111MH110503101 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 21/11/2024 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu Ký tên:
Giám thị 2: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài	**An**	20/01/2005					C25TA	
2	2310130026	Trần Huỳnh Bảo	**Châu**	12/02/2003					C25TA	
3	2310130016	Nguyễn Thái	**Duy**	18/05/2005					C25TA	
4	2310130013	Võ Hồng	**Đào**	23/07/2005					C25TA	
5	2310130017	Nguyễn Thị Xuân	**Hương**	31/01/2004					C25TA	
6	2310130024	Nguyễn Huỳnh Hồng	**Mai**	07/09/2005					C25TA	
7	2310130002	Lê Thị Kiều	**Nga**	09/02/2001					C25TA	
8	2310130027	Trần Như	**Ngọc**	14/10/2005					C25TA	
9	2310130031	Lê Thị Minh	**Nguyệt**	27/06/2002					C25TA	
10	2310130007	Lý Hồng	**Nhi**	18/08/2005					C25TA	
11	2310130020	Nguyễn Ngọc	**Như**	24/04/2005					C25TA	
12	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/10/2005					C25TA	
13	2310160004	Trần Thị Tuyết	**Phương**	06/11/2005					C25TA	
14	2310130023	Huỳnh Lê Kim	**Thảo**	24/10/2005					C25TA	
15	2310130025	Võ Hữu	**Thọ**	21/07/2005					C25TA	
16	2310130022	Ngô Kim	**Thùy**	08/05/2005					C25TA	
17	2310130029	Phạm Ngọc Huyền	**Trân**	16/08/2005					C25TA	
18	2310130032	Nguyễn Việt Bảo	**Trí**	19/12/2004					C25TA	
19	2310130004	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	21/06/2005					C25TA	
20	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm	**Tú**	14/11/2005					C25TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 20 / _____ .
Số sinh viên đạt: 17 **Tỷ lệ đạt:** 85 **%**

Ngày 5 tháng 12 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Tây Hồ

Ngày 25 tháng 11 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2024-2025

Môn học: Reading 2
Mã bài thi: MLBQ20
Thời gian thi: 21/11/2024 15:15:00
Thời gian kết thúc: 21/11/2024 16:15:00

Giám thị 1: T Ngọc Thu Ký tên:
Giám thị 2: N T N Hưa Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài An	20/01/2005		3.8	Ba, tám	C25TA	
2	2310130026	Trần Huỳnh Bảo Châu	12/02/2003		7	Bảy	C25TA	
3	2310130013	Võ Hồng Đào	23/07/2005		6.4	Sáu, bốn	C25TA	
4	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005		5.6	Năm, sáu	C25TA	
5	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004		4.4	Bốn, bốn	C25TA	
6	2310130024	Nguyễn Huỳnh Hồng Mai	07/09/2005		2	Hai	C25TA	
7	2310130002	Lê Thị Kiều Nga	09/02/2001		5.2	Năm, hai	C25TA	
8	2310130027	Trần Như Ngọc	14/10/2005		7	Bảy	C25TA	
9	2310130031	Lê Thị Minh Nguyệt	27/06/2002		6.6	Sáu, sáu	C25TA	
10	2310130007	Lý Hồng Nhi	18/08/2005		7.4	Bảy, bốn	C25TA	
11	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005		4.8	Bốn, tám	C25TA	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc Như	24/04/2005		7.6	Bảy, sáu	C25TA	
13	2310160004	Trần Thị Tuyết Phương	06/11/2005		8.4	Tám, bốn	C25TA	
14	2310130023	Huỳnh Lê Kim Thảo	24/10/2005		6.8	Sáu, tám	C25TA	
15	2310130025	Võ Hữu Thọ	21/07/2005		5.2	Năm, hai	C25TA	
16	2310130022	Ngô Kim Thùy	08/05/2005		5.4	Năm, bốn	C25TA	
17	2310130029	Phạm Ngọc Huyền Trân	16/08/2005		7.4	Bảy, bốn	C25TA	
18	2310130032	Nguyễn Việt Bảo Trí	19/12/2004		8.6	Tám, sáu	C25TA	
19	2310130004	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2005		6	Sáu	C25TA	
20	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm Tú	14/11/2005		3	Ba	C25TA	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 20 **Số sinh viên đạt: 17**

Ngày 5 tháng 12 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Nguyệt

Ngày 25 tháng 11 năm 2024
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu